

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28-6-2021

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Lệ

Ông Ngô Thành Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thân Mến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2021/TLST – HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2021 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 07/6/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn H, sinh năm 1990 (Có mặt)

Hộ khẩu thường trú: ấp M, xã MB, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay: ấp MT, xã MQ, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng

- Bị đơn: Anh Lê VH (thường gọi tên U), sinh năm 1984 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã MB, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện cũng như nguyên đơn chị Nguyễn H trình bày tại phiên tòa:*

Chị và anh Lê VH được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới khoảng năm 2013 và ngày 02/7/2013 thì vợ chồng chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MB, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Vợ chồng chị cũng có khoảng thời gian chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian về sau vợ chồng chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, anh VH thường xuyên đi nhậu về chửi chị, nhiều lần đe dọa

giết chị, hay ra quán đánh bài chị cũng khuyên nhiều lần mà anh VH không nghe, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn, nên chị quyết định sống ly thân với anh VH từ tháng 6/2020 cho đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng không ai biết. Tại phiên tòa hôm nay chị vẫn giữ nguyên quyết định yêu cầu ly hôn với anh Lê VH.

Về con chung thì giữa chị và anh VH có một người con chung tên Lê K, sinh ngày 22/01/2014 hiện nay đang sống với chị. Tại phiên tòa hôm nay, chị yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh VH cấp dưỡng nuôi con theo đúng quy định pháp luật đến khi con đủ tuổi trưởng thành. Về tài sản chung: năm 2017 ba chồng chị cho hai vợ chồng chị phần đất ruộng hai công tầm cây nhưng chưa sang tên sau đó chồng chị lên nền trồng dừa và bưởi đến nay canh tác được ba năm. Vào ngày 30/6/2016 chị có mua một chiếc xe Future, giá 34 triệu đồng, biển số 83-E1 135.61 do chị đứng tên và toàn quyền sử dụng đồng thời có mua 01 chiếc xe wave qua tay chưa sang tên biển số 83 – E1 9876 nhưng chị không có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung thì trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng chị không có tạo lập được tài sản chung, không thiếu nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Chị không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Tại phiên tòa bị đơn anh Lê VH trình bày:

Anh và chị H được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới năm 2012, đến năm 2013 thì vợ chồng anh mới đăng ký kết hôn tại UBND xã MB, thị xã N. Vợ chồng anh có một con chung như chị H trình bày, quá trình sống chung thì vợ chồng anh phát sinh những mâu thuẫn, cũng đã lâu anh có lần đánh vợ nên chị H đã có một lần nộp đơn khởi kiện ra Tòa, được gia đình hai bên hàn gắn nên vợ anh rút lại đơn, vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó lại có những mâu thuẫn, đúng là có khi anh có hằn học với vợ nhưng cũng không có đe dọa giết vợ như chị H trình bày. Anh còn thương vợ muốn hàn gắn lại với vợ anh nhưng vợ anh nhất định ly hôn với anh thì anh đồng ý ly hôn. Còn về con chung thì anh cũng muốn yêu cầu nuôi con nhưng anh tôn trọng ý kiến của con, con anh muốn theo vợ anh thì anh cũng đồng ý giao con cho vợ anh nuôi dưỡng nhưng anh không cấp dưỡng nuôi con, khi nào anh có tiền thì anh cho tiền của con, anh hiện nay nghề nghiệp thợ điện nước tự do, làm ruộng, làm vườn, thu nhập một tháng khoảng từ 08 đến 09 triệu đồng. Còn về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác anh không yêu cầu. Những lần Tòa án mời hòa giải do anh bận việc gia đình nên không có lên Tòa án tham gia.

3/ Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên phát biểu về tính có căn cứ và yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị

H, cho chị H ly hôn với anh VH. Về con chung giao cháu K cho chị H nuôi dưỡng, buộc anh VH cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Về nợ chung, tài sản chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2012 chị H và anh VH được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới và đến ngày 02/7/2013, chị H và anh VH là những người có đầy đủ điều kiện kết hôn, anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MB, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn cùng ngày. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh VH là hợp pháp. Trong cuộc sống vợ chồng của anh chị, chị H cho rằng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, anh VH đi nhậu về hay chửi chị, có lần đe dọa giết chị, ngoài ra còn hay ra quán đánh bài, chị khuyên ngăn không được nên chị và anh VH đã ly thân với nhau từ tháng 6/2020 cho đến nay và chị H nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa anh chị không còn hạnh phúc, chị vẫn giữ nguyên ý kiến xin ly hôn với anh VH. Còn anh VH cho rằng vợ chồng anh có những phát sinh mâu thuẫn, có lần vợ anh cũng đã nộp đơn ra Tòa án ly hôn với anh, được gia đình hàn gắn nên vợ anh rút đơn, vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó lại tiếp tục có những mâu thuẫn có khi anh hằn học với vợ, vợ chồng cũng đã ly thân với nhau từ khoảng tháng 10/2020 đến nay, do vợ anh nhất định ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy, sau khi nhận được đơn khởi kiện của chị H thì Tòa án cũng đã mở phiên hòa giải hai lần nhằm mục đích hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh VH nhưng anh VH đã không đến tham gia phiên hòa giải, thể hiện anh VH không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa anh VH và chị H. Nền tảng của mối quan hệ hôn nhân vững chắc là việc vợ chồng yêu thương nhau, quan tâm, chăm sóc nhau, tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Trong cuộc sống vợ chồng của chị H và anh VH đã không còn sự quan tâm dành cho nhau, cuộc sống hôn nhân giữa chị H và anh VH đã không còn hạnh phúc, tình trạng mâu thuẫn giữa hai người là trầm trọng không thể khắc phục, tại phiên tòa thì chị H và anh VH thống nhất ly hôn với nhau. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H, cho chị H được ly hôn với anh VH.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn H và anh Lê VH có một con chung là cháu Lê K, sinh ngày 22/01/2014, cháu K hiện nay đang sống chung với chị H. Chị H yêu cầu nuôi con, anh VH tôn trọng ý kiến của cháu Kiệt nên đồng ý giao con cho chị H nuôi dưỡng. Cháu K hiện nay cũng còn nhỏ, tính đến ngày xét xử thì cháu K được 07 tuổi 05 tháng 06 ngày nên theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì con đủ 07 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con. Từ đó Tòa án cũng có ghi ý kiến nguyện vọng của cháu K thì cháu K thể hiện ý kiến muốn sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn bởi vì từ khi cha mẹ không còn sống chung với nhau thì cháu K đã quen sống cùng mẹ, cháu

Kiệt không muốn thay đổi điều kiện sống. Xét thấy, hiện nay cháu K đang được mẹ ruột là chị Nguyễn H nuôi dưỡng, cháu K cũng có nguyện vọng sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn, chị H cũng có nghề nghiệp ổn định đủ khả năng để nuôi con, khi cháu K sống cùng với chị H thì chị H vẫn cho cháu K ăn học đầy đủ, đồng thời anh VH cũng đồng ý giao con cho chị H nuôi dưỡng. Để đảm bảo môi trường sống của cháu K được ổn định không bị xáo trộn về mặt tâm lý cũng như điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu K cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng đến đủ 18 (*mười tám*) tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh VH không ai được quyền ngăn cản anh VH thực hiện hợp pháp quyền này.

[3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: chị H yêu cầu anh VH cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Còn anh VH thì không đồng ý cấp dưỡng nuôi con mà thể hiện ý kiến khi nào anh VH có tiền thì anh VH cho tiền con. Nhận thấy, theo mục [2] thì Hội đồng xét xử quyết định giao cháu K cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng con. Chị H có quyền yêu cầu anh VH cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại quy định tại khoản 1 Điều 83 và khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Nên chị H yêu cầu anh VH cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh VH phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, mức cấp dưỡng bằng $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở ($1.490.000\text{đ}/2 = 745.000\text{đ}$), cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày tuyên án sơ thẩm.

[4] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và anh Lê VH phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng. Nhưng chị H được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm về hướng giải quyết vụ án nêu trong phần nội dung vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* **Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn H.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn H được ly hôn với anh Lê VH.

[2] Về con chung: Giao cháu Lê K, sinh ngày 22/01/2014 cho chị Nguyễn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 (mười tám) tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Lê VH, không ai được quyền ngăn cản.

[3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Lê VH phải cấp dưỡng nuôi cháu Lê K, thời gian cấp dưỡng bắt đầu tính từ ngày 28/6/2021 (ngày tuyên án) đến khi cháu K đủ 18 (mười tám) tuổi, số tiền cấp dưỡng định kỳ hàng tháng là 745.000đ (Bảy trăm bốn mươi lăm ngàn đồng).

[4] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: chị Nguyễn H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007698 ngày 23/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Anh Lê VH phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Án sơ thẩm xét xử công khai báo cho các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- CCTHADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã MB, TXNN;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Đặng Thị Vàng